

Bản án số: 88/2022/HNGĐ-ST

Ngày 03- 6 -2022

Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Kiều Văn Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03/ 6 /2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/ 7/2021 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2022. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Ngô Thị M**, sinh năm 1966.

ĐKKHKT: Thôn H, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Hiện ở: Thôn 3, xã P, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Vũ - Trợ giúp viên trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hà Nội.

Người đại diện của bà M: Anh Ngô Văn T sinh năm 1974 (cháu bà M). Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội

Bị đơn: **Ông Hoàng Văn T**, sinh năm 1956

ĐKKHKT và nơi ở: Thôn H, xã H, huyện Q, TP Hà Nội.

Bà M, ông T, anh T và ông Vũ có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 08/ 4/2021, lời khai tại phiên tòa, bà M trình bày:

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị M và ông Hoàng Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký ngày 24/ 5/1991, tại UBND xã P, huyện Q, Tỉnh Hà Tây nay là Thành phố Hà Nội.

Sau khi kết hôn bà M và ông T sống với nhau tại nhà ông T, cuộc sống vợ chồng bình thường, mò cua bắt ốc nuôi con cái đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do con trai là Hoàng Văn C chết.

Ông T nhiều lần đánh đập bà M, có lần đuổi bà M đi. Ngày 05/10/2020. Bà M có về xin quần áo thì ông T đuổi nên bà M về nhà cháu là anh Ngô Văn T tại P ở từ đó cho đến nay. Ông T có lên gọi bà M về để vợ chồng đoàn tụ, các lần làm việc tại Tòa án khi gặp ông T đều bảo bà M về để đoàn tụ. Nhưng do bà M sợ về ông T đánh đập bà M nên không về đoàn tụ.

Hiện bà M xác định tình cảm vợ chồng ngày càng trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn ông T

Về con chung: Bà M và ông T có 02 con chung là Hoàng Văn C sinh năm 1992, chết năm 2014 và cháu Hoàng Văn V sinh năm 1995, chết năm 2020.

Về tài sản chung: Năm 1992, bà M và ông T được UBND xã H giao cho cho hai vợ chồng có hơn 2.019m² đất ở Thôn H, xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội, làm nhà ở trên đất ổn định từ đó đến nay; Ngày 31/12/2014 UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BK 856111 vào sổ cấp giấy số; CH 00310 do UBND huyện Q cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Ngô Thị M.

Trước khi Ly hôn ngày 07 tháng 12 năm 2021 vợ chồng ông T và bà M đến Văn Phòng công chứng Quốc Dân, Thành phố Hà Nội thỏa thuận:

-Ông Hoàng Văn T nhận toàn bộ thửa đất số 152, diện tích là: 1.010,0m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 810,0m²; Đồng thời ông Hoàng Văn T có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 152 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

-Bà Ngô Thị M sẽ được nhận toàn bộ thửa đất số 151, diện tích là: 1.009,2m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 809,2m²; Đồng thời bà Ngô Thị M có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 151 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

Trên thửa đất chung hiện có nhà ở xây dựng năm 1997, và cây ăn quả trên đất. Khi ly hôn bà M yêu cầu Tòa án ghi nhận sự tự phân chia tài sản chung trước khi ly hôn cho bà M và ông T ngày 07/12/2021 tại Phòng Công Chứng Quốc Dân.

Về nợ chung: Bà M và ông T không có nợ chung.

Về án phí: Bà M đề nghị xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Ông Hoàng Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Tháng 5/ 1991, ông Hoàng Văn T có cưới bà Ngô Thị M và có đến UBND xã P đăng ký kết hôn, năm 2020 bà M bỏ về P ở ông T tìm lại giấy tờ thì thấy có 1 bản gốc giấy chứng nhận kết hôn có tên người chồng là Phùng Văn T năm sinh 1959, người vợ là Ngô Thị M sinh năm 1966, cơ quan đăng ký là Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, ông T không nhớ ngày đăng ký. Bản gốc giấy đăng ký này tôi đã đưa lại cho bà M giữ.

Khi sống chung, ông T và bà M có 02 con chung là cháu Hoàng Văn C sinh năm 1992 và cháu Hoàng Văn V sinh năm 1995, cả hai cháu không may đã chết. Năm 2003, bà M tự phát bệnh tâm thần, không tự chủ được sinh hoạt, cười nói, chạy lung tung. Đến năm 2010 thì gia đình ông T cho bà M đi điều trị nội trú ở Viện tâm thần Ba Thá sau đó về điều trị ngoại trú tại nhà hàng tháng hiện tại vẫn phải điều trị thuốc. Lần gần đây nhất là ngày 26/10/2020, bà M đi điều trị tại Bệnh Viện tâm thần Trâu Quỳ, Gia Lâm. Bà M giờ là người khuyết tật, tâm thần không ổn định, vẫn phải điều trị bằng thuốc. Quá trình sống chung, bà M có nhiều lần chửi bới, la hét, đánh ông T thì ông T chạy, nhưng bà M sau đó lại hô hoán là ông T là người đánh bà M. Ông T không hề có hành vi đánh đập, khóa nhốt bà M. Việc bà M đánh ông T có vợ chồng ông Chất và Tình là hàng xóm chứng kiến.

Ông T và bà M đã sống với nhau 30 năm nay, hiện nay tuổi ông T đã lớn, vợ chồng dùm bọc nhau cuối đời, chăm nom lẫn nhau. Ông T không đồng ý ly hôn. Ông T đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ, để nương tựa nhau sống nốt phần đời còn lại. Ông T có 02 con riêng, vợ cũ ông T mất sớm, các con ông T đã có gia đình riêng cũng không thể nào gần bó chăm sóc bố mẹ được nữa. Hiện chỉ có ông T và bà M là hai thân già gần bó, nương tựa nhau mà sống nên đề nghị Tòa án xem xét, bác đơn khởi kiện của bà M, không đồng ý cho bà M ly hôn ông T

Về tài sản chung: Vợ chồng ông T và bà M có tài sản chung là thửa đất ở H, H, Q, Hà Nội. Thửa số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.019m², đất được cấp năm 1992. Do bà M muốn có tài sản chung nên vợ chồng ông T có thống nhất chia thửa đất làm 2 gồm thửa 151, cho bà M và thửa 152 cho ông T. Hai vợ chồng đã đến văn phòng công chứng để ký thỏa thuận và mời công ty đo đạc, đo vẽ cụ thể về thửa đất nhưng chưa hoàn thiện thủ tục pháp lý để chính chức chuyển tên chủ sử dụng đất. Nếu bà M về đoàn tụ thì ông T sẽ đồng ý tiếp tục thực hiện việc tách thửa như hai bên đã thỏa thuận để bà M và ông T hưởng tài sản riêng như đã thỏa thuận là ông T quản lý thửa đất 151 diện tích 1.010m² bà M quản lý sử dụng thửa đất 152, diện

tích là 1.009m². Nếu bà M cương quyết ly hôn thì ông T không đồng ý về việc phân chia tài sản.

Ngoài ra vợ chồng ông T có tài sản là 01 con lợn tôi đang nuôi và 01 xe máy Wave alpha trắng, hiện bà M đang dùng. Do ông T không ly hôn nên không đề nghị gì về tài sản chung.

Nợ chung: Ông T và bà M không có nợ chung.

Về án phí: Do ông T không ly hôn nên tôi không có quan điểm gì về án phí.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày: Bà M và ông T kết hôn tự nguyện, đăng ký theo quy định của pháp luật tại UBND xã P năm 1991, sau đó năm 1992 vợ chồng được nhà nước cấp cho Thửa số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.019,2 m², đất được cấp năm 1992 và làm nhà ở trên đất và sinh được 2 người con là con chung là Hoàng Văn C sinh năm 1992, chết năm 2014 và cháu Hoàng Văn V sinh năm 1995, chết năm 2020. Sau khi các con qua đời thì ông T hay chửi bới, xúc phạm bà M, đánh đuổi bà M, không cho bà M ở, bà M phải về quê ở P sống với cháu từ tháng 10/2020 đến nay hai người sống ly thân. Nay mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà M được ly hôn ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Hoàng Văn C sinh năm 1992, chết năm 2014 và cháu Hoàng Văn V sinh năm 1995, chết năm 2020. Nên không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 1992 bà M và ông T được nhà nước cấp cho Thửa số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.019m², sau đó bà M và ông T xây nhà ở công trình phụ và trồng cây bưởi trên đất. Ngày 07 tháng 12 năm 2021 ông T và bà Miên đã tự nguyện phân chia tài sản chung trước khi ly hôn và đã được văn phòng công chứng Quốc Dân chứng thực việc phân chia tài sản. Nay ly hôn đề nghị Tòa án ghi nhận sự phân chia tài sản trước khi ly hôn theo văn bản đã thỏa thuận.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã T hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn, bị đơn, đại diện cho nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đều có mặt, Tòa án xét xử có mặt các đương sự khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn bà M và ông T kết hôn tự nguyện và đăng ký tại UBND xã P năm 1991, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, sau một thời gian vợ chồng mâu thuẫn, nguyên nhân là do 2 người con chung chết, ông T hay xúc phạm, chửi bới bà M dẫn đến tình cảm vợ chồng; từ tháng 10/2020 bà M phải về quê ở nhờ cháu nội và từ đó 2 người ly thân, nay tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm T, và Tòa án đã T hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đoàn tụ được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà M với ông T là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử cho nguyên đơn được ly hôn; Về con chung; Có 2 con đã chết; Về tài sản chung vợ chồng đã phân chia tài sản chung tại Văn phòng công chứng Quốc Dân ngày 07/12/2021 nay bà M yêu cầu ghi nhận đề nghị HĐXX ghi nhận tự phân chia tài sản. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú ở xã H, huyện Q, thành phố Hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, đại diện cho nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, Hội đồng căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ căn cứ xác định:

+*Về hôn nhân*: Bà Ngô Thị M và ông Hoàng Văn T tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã P ngày 24/5/1991. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do năm 2014 một người con qua đời, đến năm 2020 người con thứ hai qua đời nên vợ chồng thường xuyên vợ chồng cãi cọ, xô xát nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm T, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, có thời gian bà M ảnh hưởng đến tâm thần phải đi điều trị sau đó ổn định về nhà nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn. Tháng 10/ 2020 bà M bị ông T chửi bới bà phải bỏ về quê ở nhờ nhà cháu và cũng từ đó đến nay hai người sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm T, mục đích hôn nhân

không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của bà M với ông T. Bà M được ly hôn ông T.

+*Về con chung*: Vợ chồng bà M và ông T có 2 con chung là Hoàng Văn C sinh năm 1992, chết năm 2014 và Hoàng Văn V sinh năm 1995, chết năm 2020. Nên không giải quyết.

[3] -*Về tài sản chung*: Bà Ngô Thị M yêu cầu Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự phân chia tài sản chung trước khi ly hôn giữa ông T và bà M theo văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và Công chứng số 7147, quyền số 24/211-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07 tháng 12 năm 2021 vợ chồng ông T và bà M đến Văn Phòng công chứng Quốc Dân, Thành phố Hà Nội đối với quyền sở hữu thửa đất số 151 (tách từ thửa 48, tờ bản đồ số 2), diện tích là: 1.009,2,m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 809,2m² và 1 phần nhà và một số cây bụi gắn liền trên thửa đất 151.

Xét yêu cầu của bà Ngô Thị M thì thấy: Năm 1992 bà M và ông T được nhà nước giao cho Thửa số 48, tờ bản đồ số 2, diện tích 2.019m², sau đó bà M và ông T xây nhà ở công trình phụ và trồng cây bụi trên đất.

Ngày 31/12/2014 UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số: BK 856111 vào sổ cấp giấy số; CH 00310 do UBND huyện Q cấp cho ông Hoàng Văn T và bà Ngô Thị M.

Trước khi Ly hôn Ngày 07 tháng 12 năm 2021, ông T và bà M đến Văn Phòng công chứng Quốc Dân để lập biên bản đã tự phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân và đã tách thửa đất số 48 thành thửa đất số 151 và 152. Tại Mục II của Văn bản tự phân chia tài sản chung có tự nguyện thỏa thuận:

-Ông Hoàng Văn T sẽ được nhận toàn bộ thửa đất số 152, diện tích là: 1.010,0m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 810,0m²; Đồng thời ông Hoàng Văn T có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 152 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

-Bà Ngô Thị M sẽ được nhận toàn bộ thửa đất số 151, diện tích là: 1.009,2,m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 809,2m²; Đồng thời bà Ngô Thị M có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 151 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

Ông T và bà M phải phối hợp cùng nhau đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất.

Tại Mục III của thảo thuận có nêu Văn bản này có hiệu lực ngay sau khi ký kết và được công chứng. Mọi sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ phải được ông T và bà M thỏa thuận bằng văn bản có xác nhận của công chứng viên Văn phòng Công chứng Quốc Dân.

Xét Văn bản phân chia tài sản chung của hai vợ chồng trong thời gian hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 38, Điều 44 và không trái với Điều 42 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và hơn nữa từ đó đến nay 2 bên không có thay đổi, sửa chữa bổ sung gì tại Văn Phòng Công Chứng Quốc Dân. Do đó ghi nhận sự tự phân chia tài sản chung trước khi ly hôn của bà M và ông T ngày 07 tháng 12 năm 2021.

Bà Ngô Thị M được toàn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 151, diện tích là: 1.009,2m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 809,2m²; (Trên đất có 3 gian nhà ở cấp 4; 01 nhà bếp, công trình phụ; kèm theo 3/4 sân và một số cây bụi). Đồng thời bà Ngô Thị M có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 151 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

-Ông Hoàng Văn T toàn quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 152, diện tích là: 1.010,0m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 810,0m²; Đồng thời ông Hoàng Văn T có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 152 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình.

Ông T và bà M phải phối hợp cùng nhau đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Bà M phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà M là người được nhà nước trợ cấp hàng tháng. Do đó miễn toàn bộ án phí đối với bà M.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 38; Điều 42; Điều 44 51; Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1 - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị M. Bà Ngô Thị M được ly hôn ông Hoàng Văn T.

2-Về con chung: Bà M và ông T có 2 con chung là Hoàng Văn C sinh năm 1992, chết năm 2014 và cháu Hoàng Văn V sinh năm 1995, chết năm 2020. Nên không giải quyết.

3- Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự phân chia tài sản chung trước khi ly hôn cụ thể:

-Ông Hoàng Văn T được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 152 (Được tách ra từ thửa số 48, tờ bản đồ số 02, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội), diện tích là: 1.010,0m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 810,0m²;(trên đất có 1 gia nhà cấp 4 và ¼ diện tích sân gạch và số cây bưởi trên thửa đất 152); Đồng thời ông Hoàng Văn T có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 152 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình (có sơ đồ kèm theo).

-Bà Ngô Thị M được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 151 (Được tách ra từ thửa số 48, tờ bản đồ số 02, xã H, huyện Q, Thành phố Hà Nội), diện tích là: 1.009,2,m²; Đất ở 200m²; Đất trồng cây 809,2m²; (Trên đất có 3 gian nhà ở cấp 4; nhà bếp, công trình phụ kèm theo 3/4 sân gạch và một số cây bưởi). Đồng thời bà Ngô Thị M có trách nhiệm tiếp nhận mọi nghĩa vụ phát sinh từ (liên quan đến) thửa đất số 151 nêu trên, bao gồm tất cả các nghĩa vụ phát sinh từ trước, trong và sau lập văn bản này bằng tài sản riêng của mình (có sơ đồ kèm theo).

Ông T và bà M phải đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4-Về án phí: Bà Ngô Thị M không phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí Dân sự theo giá ngạch. Trả lại bà Ngô Thị M số tiền 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000117 ngày 13/7/2021 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

Ông Hoàng Văn T không phải chịu án phí.

5- Nguyên đơn, đại diện cho nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Kiều Văn Thành